TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11/6/2024.
Về việc:"Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có **:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Kiểm.
*Các hội thẩm nhân dân:*1. Bà Tô Thị Ninh;
2. Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thành Huế - Thư ký Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái nguyên tham gia phiên tòa:Ông Lê Minh Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024; tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2024/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXX - HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị Ng, sinh năm:1981; Địa chỉ: Xóm ĐĐ, xã Bình Thành, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt).

2.Bị đơn: Anh Nịnh Văn C, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Xóm ĐĐ, xã Bình Thành, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn - Chị Dương Thị Ng trình bày như sau:

Chị và anh Nịnh Văn C gặp gỡ, quen biết một thời gian thì hai bên nảy sinh tình cảm yêu đương đôi lứa, hai bên quyết định kết hôn, được hai bên gia đình nhất trí và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương vào năm 1999. Sau khi cưới chị và anh C chung sống với gia đình anh C tại xóm ĐĐ, xã Bình Thành, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên. Tháng 12 năm 2002 chị và anh C đi đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Bình Thành, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/12/2002. Từ sau khi cưới, vợ chồng chung sống hoà thuận được một thời gian, đến năm 2003 thì vợ

chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh C mải chơi, không quan tâm đến cuộc sống gia đình vợ con, ham rượu, chè, từ đó vợ chồng thường xảy ra cãi vã, to tiếng. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được anh em, bạn bè và người thân trong gia đình khuyên giải nhiều lần, nhưng anh C không hề thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể chịu đựng được nên từ năm 2015 chị xin đi làm công nhân, cũng từ đó do bận công việc và do mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng nên chị ít về thăm gia đình, thăm con, cũng từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chống đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị cương quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Chị Ng xác định chị và anh C có 01 con chung là cháu Nịnh Văn Nguyên, sinh ngày 20/9/2000. Hiện nay cháu Nguyên đã trưởng thành, khoẻ mạnh bình thường, lao động tự túc được, chị không yêu cầu Toà giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Ng xác định chị và anh C sẽ tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, nhiều lần triệu tập và tống đạt các văn bản tố tụng đối với anh Nịnh Văn C để bảo đảm quyền, nghĩa vụ của anh C trước pháp luật. Tuy nhiên, anh C không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, không tiến hành hoà giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Ng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kiên quyết xin ly hôn; về con chung đã trưởng thành, lao động tự túc được chị không đề nghị Toà án giải quyết; Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Trước khi nghị án, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tại phiên tòa theo quy định của pháp luật. Đối với đương sự: Chị Ng đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự, anh C không chấp hành, không tuân thủ theo đuáng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; các Điều 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56

Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Thị Nân với anh Nịnh Văn C. Về tài sản chung: Chị Ng không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo đối với bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn trong vụ án cư trú tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Định Hoá theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự nên việc xét xử có sự tham gia của Kiểm sát viên theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nịnh Văn C – là bị đơn trong vụ án đã được Toà án tống đạt Giấy triệu tập phiên toà hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Ng và anh Nịnh Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét về yêu cầu xin ly hôn của chị Ng thấy: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, nhiều lần triệu tập và tống đạt các văn bản tố tụng đối với anh Nịnh Văn C để bảo đảm quyền, nghĩa vụ của anh C trước pháp luật. Tuy nhiên, anh C không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, không có văn bản nêu ý kiến của mình. Căn cứ lời trình bày của chị Ng thấy: Quá trình chung sống, giữa chị Ng và anh C nảy sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay không còn quan tâm đến nhau, chi Ng xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị Ng kiên quyết xin được ly hôn với ánh C. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ng,cho ly hôn giữa chị Ng với anh C.

Về con chung: Chị Ng và anh C có 01 con chung là cháu Nịnh Văn Nguyên, sinh ngày 20/9/2000, cháu Nguyên đã trưởng thành khoẻ mạnh bình thường, lao động tự túc được, chị Ng không đề nghị giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Ng xác định, chị và anh C tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vợ chồng không có nợ chung. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị Ng phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Dương Thị Ng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Thị Ng với anh Nịnh Văn C.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị Ng phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp Ng sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo biên lai thu số 0006203, ngày 16/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Toà án nhân dân tỉnhTN;
- VKSND huyện Định Hoá;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Bình Thành, huyện Đ;
(ĐKKH số 58 ngày 18/12/2002)
- Lưu HS.

Hoàng Văn Kiểm